

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày: 13-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Tuấn

2. Ông Võ Đức Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

1. *Họ và tên:* Trần Hoàng K; *Tên gọi khác:* không; *sinh năm:* 1998; *Giới tính:* Nam.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Quốc tịch: Việt Nam; *Dân tộc:* Kinh; *Tôn giáo:* Không. *Trình độ học vấn:* 9/12; *Nghề nghiệp:* làm mướn. *Cha:* Trần Hoàng H, *sinh năm:* 1970. *Mẹ:* Nguyễn Thị V, *sinh năm:* 1971. Bị cáo hiện chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 05/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 (hai) năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Ngày 12/9/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 29/11/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 14/8/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại:

2.1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1994. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2.2. Ông Nguyễn Đăng K1, sinh năm: 2003. Địa chỉ: số B N, phường T, thành phố T, tỉnh Long An.(vắng mặt)

2.3. Ông Huỳnh Chí Đ, sinh năm: 2006. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An.(vắng mặt)

2.4. Ông Lê Phước K2, sinh năm: 1993. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.(vắng mặt)

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Hữu T1, sinh năm: 1977. Địa chỉ: A ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.(vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Ninh.(vắng mặt)

3.3. Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm: 2001. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.(vắng mặt)

3.4. Ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Đường V, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.(vắng mặt)

3.5. Bà Trần Thị Kiều N1, sinh năm: 2003. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.(vắng mặt)

3.6. Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm: 1994. Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.(vắng mặt)

3.7. Bà Võ Thị Minh Cẩm N2, sinh năm: 2000. Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Long An.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hoàng K đã có tiền án, chưa được xóa án tích, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên K nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trộm cắp tài sản của người khác. K đã 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện T, huyện V và C, cụ thể như sau:

Lần thứ 1. Tối ngày 29/3/2024, thông qua mạng xã hội Facebook Khang liên lạc và hỏi mua chiếc xe mô tô biển số 59N1-767.84 của anh Nguyễn Minh T với giá 15.000.000 đồng, anh T đồng ý. Cả hai hẹn gặp tại khu vực Cầu vượt S, thuộc ấp C, xã N, huyện T, tỉnh Long An để giao xe thì hai bên đồng ý. Khoảng 8 giờ ngày 30/3/2024, K nhờ Bảy H2 và L không rõ nhân thân đưa K ra điểm hẹn. Sau đó, K nói với Bảy H2 và L về trước, K ở lại gặp anh T. Tại đây, K muốn chiếm đoạt xe mô tô 59N1-767.84 nên nói dối với anh T để K chở anh T về nhà trọ lấy tiền, anh T tin thật nên giao xe cho K điều khiển chở anh T, khi đến trước nhà chị Đoàn Thị T3 ở ấp B, xã B, huyện T thì dừng xe lại. K tiếp tục nói dối anh T, K kêu anh T xuống mở cổng để chạy xe vào, Khi T xuống xe đi vào mở cổng thì K điều khiển xe 59N1-767.84 của T chạy đi, rồi đến tiệm cầm đồ “Thành Đạt” của anh Trần Hữu T1 tại ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cầm chiếc xe trên với giá 7.000.000 đồng, số tiền này K tiêu xài cá nhân.

Ngày 31/3/2024, anh Nguyễn Minh T gặp anh Trần Hữu T1 chuộc lại chiếc xe 59N1-767.84 với giá 7.450.000 gồm: 7.000.000 đồng tiền gốc, 150.000 đồng tiền lãi và 300.000 đồng anh T1 đưa cho K để đi xe ôm về nhà.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 967/KL-HĐĐG, ngày 12/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị của 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu trắng - đỏ, biển số 59N1-767.84 tại thời điểm ngày 30/3/2024 là 11.866.000 đồng (bút lục 64-68).

Lần thứ 2. Do muốn có tiền để chuộc xe mô tô 62N1-062.71 của anh Nguyễn Tấn T2 tên gọi khác là T4 mà K đang cầm tại tiệm C, tại ấp A, xã M, huyện T, K nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác.

Khoảng 18 giờ, ngày 23/7/2024, Trần Hoàng K điện thoại cho anh Nguyễn Đăng K1 là tài xế taxi Mai L chở K đến tiệm C, thuộc ấp A, xã M, huyện T. Đến nơi, K muốn chiếm đoạt điện thoại của anh K1 nên giả vờ mượn điện thoại của anh K1 nói gọi người quen chuyển tiền taxi cho K1. Anh K1 tin thật nên đồng ý đưa điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng của anh K1 cho K mượn. Sau khi mượn được điện thoại, K đi vào tiệm cầm đồ Thành Lương do anh Nguyễn Văn N quản lý. Tại đây, K cầm điện thoại của K1 với số tiền 5.000.000 đồng rồi chuộc lại xe mô tô biển số 62N1-062.71 với số tiền 3.500.000 đồng. Chuộc xe mô tô 62N1-062.71 xong, K điều khiển xe chạy về

hướng TP . để lẫn trốn. Thấy K chạy xe đi anh K1 có đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, anh K1 đã chuộc lại điện thoại với số tiền 5.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1276/KL-HĐĐG ngày 21/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T kết luận: giá trị điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng, dung lượng 128G tại thời điểm ngày 23/7/2024 là 8.919.499 đồng (bút lục 97).

Lần thứ 3. Sáng ngày 29/7/2024, Trần Hoàng K mượn xe mô tô 62N1-062.71 của anh T2 đi đến khu phố R, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An và thuê phòng ở khách sạn H3. Tại đây, K gặp T5 không rõ nhân thân, K hỏi T5 chỗ cầm xe mô tô thì T5 dẫn K đến một tiệm cầm xe không rõ tên tiệm ở thị trấn V để cầm xe mô tô 62N1-062.71 với giá 3.000.000 đồng, số tiền này K đã tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, K trả phòng đi về, lúc này K đi ra bên hông khách sạn thấy xe mô tô biển số 62D1-101.31 của anh Huỳnh Chí Đ, trên xe có để sẵn chìa khóa nên K nảy sinh ý định lấy trộm, lợi dụng lúc không có người quản lý xe Khang lấy trộm xe rồi nổ máy chạy đến tiệm “Cầm xe 24 giờ” ở xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, K bán chiếc xe nói trên nhưng chủ tiệm không mua. Lúc này, có Nguyễn Đức H1 ngụ ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, đồng ý mua với giá 3.000.000 đồng, số tiền này K tiêu xài cá nhân hết. Riêng xe mô tô 62N1-062.71 sau khi cầm K đã đưa anh T2 3.000.000 đồng để anh T2 chuộc lại xe.

Tại Kết luận số: 152/KL-HĐĐG, ngày 27 tháng 8 năm 2024, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện V xác định tài sản gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave alpha, màu đỏ đen bạc, BKS: 62D1-101.31 do K trộm cắp ngày 30/7/2024 là 8.000.000 đồng (bút lục 193-196).

Lần thứ 4: Ngày 11/8/2024, Trần Hoàng K xem trên mạng xã hội Facebook thấy anh Lê Phước K2 có đăng bán xe mô tô Yamaha Exciter biển số 63P1- 294.80 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên của anh K2. Khoảng 20 giờ cùng ngày, K thuê xe ô tô hợp đồng và rủ bạn gái quen trên mạng xã hội Facebook là Trần Thị Kiều N1 đi cùng với K đến nhà của anh K2. Khang thỏa thuận mua xe của anh K2 với số tiền là 26.500.000đ và yêu cầu cho K chạy thử xe và K nói N1 là bạn gái của K sẽ ở lại để làm tin. Anh K2 đồng ý đưa xe mô tô 63P1- 294.80 cho K chạy thử, rồi K điều khiển xe mô tô 63P1- 294.80 chạy đi đem đến tiệm cầm đồ “24h” ở xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, do Nguyễn Thị Ngọc P làm chủ, cầm với số tiền 4.500.000đồng, số tiền này K đã tiêu xài cá nhân. Đến ngày 14/08/2024 K chuộc lại xe mô tô biển số 63P1- 294.80 rồi điều khiển xe chở bạn gái tên Võ Thị Minh Cẩm N2, sinh năm 2000 lưu thông trên đường tại huyện B thì bị Công an huyện C phát hiện mời về làm việc.

Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTX, ngày 14/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: xe mô tô

nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, dung tích xy lanh 134cm³, màu đen, biển số 63P1- 294.80 có giá trị là 18.867.000đ

Tại Cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa truy tố Trần Hoàng K về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo qui định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Hoàng K về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trong phần luận tội, Kiểm sát viên đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 38; Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng K từ 03 năm đến 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng: Điều 38; Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng K từ 04 năm đến 05 năm tù về Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 55 BLHS đề nghị HĐXX tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chịu hình phạt cho hai tội: từ 07 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng Điều 56 BLHS đề nghị HĐXX tổng hợp hình phạt với bản án số 186/2024/HSST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án

b) Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS

Hợp đồng cầm đồ; bản phô tô giấy căn cước tên Trần Hoàng K tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với các tài sản khác đã được cơ quan CSĐT thu giữ và đã xử lý theo quy định pháp luật, thì không đề cập.

c) Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Minh T đã nhận lại tài sản bị mất trộm và 7.450.000 đồng từ anh Trần Hữu T1 nên không có yêu cầu về dân sự. Anh Trần Hữu T1 đã nhận 2.000.000 đồng của Trần Hoàng K giao nộp, anh T1 không yêu cầu Trần Hoàng K phải bồi thường cho T1 số tiền 5.450.000 đồng. Anh Huỳnh Chí Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu về dân sự. Anh Nguyễn Đức H1 không yêu cầu K bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Anh Lê Phước K2 đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu về dân sự.

Riêng anh Nguyễn Đăng K1 yêu cầu Trần Hoàng K bồi thường lại số tiền 5.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường đề nghị HĐXX ghi nhận.

Bị cáo không thực hiện quyền tranh luận mà xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố vụ án thì hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và kiểm sát viên tiến hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hoàng K đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại tại CQĐT, biên bản thu giữ vật chứng và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định: Trần Hoàng K đã có tiền án, chưa được xóa án tích, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên K nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trộm cắp tài sản của người khác. K đã 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện T, huyện V và C. Cụ thể: ngày 30/3/2024 Trần Hoàng K đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô biển số 59N1-767.84 trị giá 11.866.000 đồng của anh Nguyễn Minh T. Ngày 23/7/2024, K thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng trị giá 8.919.499 đồng của anh Nguyễn Đăng K1. Ngày 11/8/2024, K tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô 63P1-294.80 trị giá 18.867.000đ của anh Lê Phước K2, tổng giá trị tài sản mà K lừa đảo chiếm đoạt là 39.652.499 đồng. Ngày 29/7/2024, K thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô biển số 62D1-101.31 trị giá 8.000.000 đồng của anh Huỳnh Chí Đ. Do đó hành vi của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự .

[3] Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa đã phản ánh đúng hành vi mà bị cáo K đã thực hiện, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định cáo trạng và

lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý, hành vi đó không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo Trần Hoàng K là người có nhân thân xấu. Ngày 05/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 (hai) năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 12/9/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” cả hai bản án đều chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo K đã 03 lần phạm tội phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần thiết phải xử lý bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ như: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đối với anh Trần Hữu T1 đã nhận cầm xe mô tô 59N1-767.84, anh Nguyễn Văn N đã cầm điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax và anh Nguyễn Đức H1 đã mua xe mô tô biển số 62D1-101.31, Nguyễn Thị Ngọc P nhận cầm xe mô tô 63P1- 294.80 từ Trần Hoàng Khang nhưng những người này không biết đây là tài sản mà K phạm tội mà có nên không xem xét.

Đối với Trần Thị Kiều N1, Võ Thị Minh Cẩm N2 không biết, cũng như không bàn bạc, giúp sức K thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô 63P1- 294.80 của anh Lê Phước K2 nên không xem xét.

Đối với người tên Bảy H2, L và T5 do không xác định được nhân thân lại lịch. Mặc khác, Trần Hoàng K khai nhận những người này hoàn toàn không biết việc K thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trộm cắp tài sản nên không xem xét.

Đối với mô tô 62N1-062.71 của anh Nguyễn Tấn T2 đã cho Trần Hoàng K mượn sau đó K đem đi cầm. Khi cầm xe mô tô này tại tiệm C thì K đã chuộc lại trả cho anh T2. Khi cầm xe mô tô này tại thị trấn V K đã báo cho anh T2 và đưa anh T2 3.000.000 đồng để chuộc lại theo quy định, anh T2 cũng không yêu cầu gì đối với Trần Hoàng K nên không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Minh T đã nhận lại tài sản bị mất trộm và 7.450.000 đồng từ anh Trần Hữu T1 nên không có yêu cầu về dân sự. Anh Trần Hữu T1 đã nhận 2.000.000 đồng của Trần Hoàng K giao nộp, anh T1 không yêu cầu Trần Hoàng K phải bồi thường cho T1 số tiền 5.450.000 đồng. Anh Huỳnh Chí Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu về dân sự. Anh

Nguyễn Đức H1 không yêu cầu kháng bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Anh Lê Phước K2 đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu về dân sự.

Riêng anh Nguyễn Đăng K1 yêu cầu Trần Hoàng K bồi thường lại số tiền 5.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận

[6] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng cầm đồ; bản phô tô giấy căn cước tên Trần Hoàng K tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với các tài sản khác đã được cơ quan CSĐT thu giữ và đã xử lý theo quy định pháp luật nên không xem xét.

[7] Về tổng hợp hình phạt: tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chịu hình phạt cho hai tội và tổng hợp hình phạt với bản án số 186/2024/HSST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Trần Hoàng K phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Hoàng K 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Hoàng K 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Hoàng K phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 07 năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2024/HSST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 10 năm 06 tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 14/8/2024)

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Hoàng K 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/02/2025) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Hợp đồng cầm đồ; bản phô tô giấy căn cước tên Trần Hoàng K tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc Trần Hoàng K bồi thường cho Nguyễn Đăng K1 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chưa trả thì Trần Hoàng K còn phải trả thêm tiền lãi tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Trần Hoàng K phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước; buộc bị cáo Trần Hoàng K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/02/2025). Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND và VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Công an huyện Thủ Thừa;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy